TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số:153/2022/DS-ST
Ngày: 20/07/2022
Về việc:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Minh Cường.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hữu Đệ
2. Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đỗ Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 06 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST- DS ngày 05/07/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV *(sau đây gọi tắt là V)*; Trụ sở: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý *(Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020)*.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Thùy T – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 2893/2021/UQ-LCC-PUNKHCNMB ngày 08/11/2021**).**

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 3.1.Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1990; 3.2. Chị Nguyễn Thị Kiều Q, sinh năm 1994 (vợ anh H); 3.3. Cháu Dương Ngọc Uyên N, sinh năm 2014 (con anh H, chị O); 3.4. Cháu Dương Ngọc Huyền D,

sinh năm 2018 (con anh H, chị O); 3.5. Cháu Dương Ngọc Minh N1 – Sinh năm 2020 (con anh H, chị O);

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Anh Dương Ngọc H và chị Nguyễn Thị Kiều Q là người đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu D và cháu N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng số LN1906131457959 ký ngày 17/06/2019, bà Nguyễn Thị C vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần VNTV cụ thể như sau: Số tiền vay: 330.000.000 đồng; Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11,9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày 24/6/2019. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/09/2020, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 120 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39-2, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CR653588 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 14/05/2019.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 20/07/2022, bà C còn nợ V tổng số tiền là: 320.389.461 đồng, trong đó: Nợ gốc 261.249.999 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.847.829 đồng; Lãi quá hạn: 4.291.633 đồng.

Nay V yêu cầu bà C phải trả số nợ trên. Trường hợp bà C không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản của bà C thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn, bà Nguyễn Thị C không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Dương Ngọc H (con trai bà Nguyễn Thị C) trình bày như sau: Năm 2019, do có nhu cầu vốn để làm ăn nên ngày 17/6/2019, bà C ký Hợp đồng tín dụng số LN1906131457959 ngày 17/6/2019 với ngân hàng thương mại cổ phần VNTV để vay số tiền là 330.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay thì mẹ anh ký thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất thửa số 39-2 tờ bản đồ số 26 tại Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số: CR653588 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 14/5/2019.

Sau khi ký hợp đồng vay, ngân hàng đã giải ngân cho mẹ anh đầy đủ số tiền này. Quá trình thực hiện gia đình anh trả không được đều vì tình hình dịch bệnh covid 19. Đến nay, ngân hàng thương mại cổ phần VNTV khởi kiện anh đề nghị phía ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi và kéo dài thời gian trả nợ để gia đình anh thu xếp trả dần.

Trong trường hợp phải phát mại thửa số 39-2 tờ bản đồ số 26 tại Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thì vợ chồng anh không yêu cầu bà C phải trả lại phần đóng góp trên đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc qui định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.
- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Toà án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền còn phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ. Xét việc vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho họ theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo Hợp đồng tín dụng số LN1906131457959 ký ngày 17/06/2019, thì bà Nguyễn Thị C còn nợ V (tính đến ngày 20/07/2022) tổng số tiền là: 320.389.461 đồng, trong đó: Nợ gốc 261.249.999 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.847.829 đồng; Lãi quá hạn: 4.291.633 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Các kỳ đến hạn của bà C không trả nợ được đã bị V chuyển sang tính lãi suất quá hạn.

Xét thấy: Hợp đồng ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định của pháp luật; bên cho vay có đầy đủ tư cách pháp nhân, bên vay có đủ năng lực

hành vi dân sự do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

[2.2] Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39-2, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CR653588 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 14/05/2019.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa các bên là hợp pháp; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì vậy yêu cầu của V về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bị đơn phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm loại có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[3.2] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Các Điều 351, 353, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với bà Nguyễn Thị C.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C trả nợ cho Ngân hàng V *(tính đến ngày 20*/07/2022*)* tổng số tiền là 320.389.461 đồng, trong đó: Nợ gốc 261.249.999 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.847.829 đồng; Lãi quá hạn: 4.291.633 đồng.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì V có quyền xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39-2, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn ĐN, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội *(theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CR653588 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 14/05/2019)* để thu hồi nợ.

4. Kể từ ngày 21/07/2022, hàng tháng bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục trả cho V khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1906131457959 đã ký với V ngày 17/06/2019.

5. Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp 16.010.000đ *(mười sáu triệu, không trăm mười nghìn đồng)* để sung ngân sách Nhà nước; Hoàn trả lại cho Ngân hàng V 6.940.000đ *(sáu triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0046047 ngày 01/03/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường